

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07-04-2026

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Kim Trung

2. Ông Nguyễn Thế Tự

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

Ngày 07 tháng 04 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành P, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị D và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Thành P tự nguyện kết hôn và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang cũ vào năm 2008. Trong thời gian chung sống cả hai xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dù đã nhiều lần tìm biện pháp hàn gắn nhưng không thành. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị D yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thành P; Về con chung, trong thời kì hôn

nhân cả hai có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Kim Y, sinh ngày 17/10/2008 (giới tính nữ) hiện đang chung sống với anh Nguyễn Thành P. Khi ly hôn chị D thống nhất giao con chung cho anh P nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành P không có văn bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn cư trú xã T, thành phố Cần Thơ, do đó Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thành P được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị D và bị đơn anh Nguyễn Thành P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên hôn nhân được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được nên nguyên đơn chị Lê Thị Diệu X ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thành P. Để tạo điều kiện cho nguyên đơn chị Lê Thị D và bị đơn anh Nguyễn Thành P hàn gắn hôn nhân, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị D không thống nhất hàn gắn hôn nhân với anh P và không mong muốn tiếp diễn hôn nhân này dù đã ly thân trong thời gian dài. Bên cạnh, trong quá trình giải quyết vụ kiện anh Nguyễn Thành P được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt từ đó cho thấy anh P cũng không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị D. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa nguyên đơn chị Lê Thị D và bị đơn anh Nguyễn Thành P đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn chị Lê Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Thành P.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Diệu thống N giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Kim Y, sinh ngày 17/10/2008 (giới tính nữ) để anh Nguyễn Thành P nuôi và không cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét thấy cháu Nguyễn Ngọc Kim Y trình bày có nguyện vọng được sống trực tiếp với anh Nguyễn Thành P và anh P không có ý kiến tranh chấp quyền nuôi con đồng thời cháu Y hiện nay đang sống chung với anh P. Để đảm bảo sự ổn định môi trường sống cũng như nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Ngọc Kim Y cho anh

Nguyễn Thành P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại các Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Thành P không có văn bản yêu cầu và chị Lê Thị D chưa thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị D được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thành P.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thành P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Ngọc Kim Y, sinh ngày 17/10/2008 (giới tính nữ) đến khi đủ 18 tuổi; Chị Lê Thị D chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Lê Thị D, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000243 ngày 07 tháng 01 năm 2026 của T hành án Dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

5. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13-Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu